

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Khóa học: **Khóa 53**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

| TT | Mã sinh viên | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Học ngành 2 | Tổng số TCTL | Điểm TBTL | Xếp hạng TN (đề nghị) |
|----|--------------|------------------|-----------|-----------|------------|---------------------|--------------|-----------|-----------------------|
| 1 | 19D4011074 | Lê Thị Ngọc | Diệu | Nữ | 14/07/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 2.78 | Khá |
| 2 | 19D4011092 | Nguyễn Ngọc Thùy | Dương | Nữ | 05/06/2001 | Thừa Thiên Huế | 115 | 3.17 | Khá |
| 3 | 19D4011103 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | Nữ | 28/01/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.38 | Giỏi |
| 4 | 19D4011122 | Lê Thị Quỳnh | Giao | Nữ | 28/05/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.30 | Giỏi |
| 5 | 19D4011132 | Mai Thị Thu | Hạ | Nữ | 01/05/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.48 | Giỏi |
| 6 | 19D4011167 | Nguyễn Thị Thu | Hiên | Nữ | 02/11/2001 | Tỉnh Kon Tum | 115 | 3.17 | Khá |
| 7 | 19D4011314 | Cao Thị Thảo | Ly | Nữ | 08/10/2000 | Tỉnh Nghệ An | 115 | 2.79 | Khá |
| 8 | 19D4011324 | Võ Thị | Ly | Nữ | 02/10/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | 115 | 3.26 | Giỏi |
| 9 | 19D4011380 | Huỳnh Thanh | Nghiêm | Nam | 02/09/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 2.86 | Khá |
| 10 | 19D4011400 | Bùi Thị Thanh | Nhàn | Nữ | 28/03/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 11 | 19D4011410 | Hoàng Thế Minh | Nhật | Nam | 29/04/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.20 | Giỏi |
| 12 | 19D4011423 | Nguyễn Trần Uyên | Nhi | Nữ | 04/01/2001 | Tỉnh Bình Định | 115 | 3.67 | Xuất sắc |
| 13 | 19D4011428 | Trần Vinh | Nhớ | Nam | 11/05/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 14 | 19D4011459 | Nguyễn Thị | Oanh | Nữ | 07/07/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.10 | Khá |
| 15 | 19D4011466 | Nguyễn Tấn | Phú | Nam | 15/12/2001 | Tỉnh Gia Lai | 115 | 3.03 | Khá |
| 16 | 19D4011493 | Phạm Anh | Quân | Nam | 28/05/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.10 | Khá |
| 17 | 19D4011523 | Nguyễn Quốc | Sang | Nam | 22/06/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 2.79 | Khá |
| 18 | 19D4011524 | Phan Thị Minh | Sang | Nữ | 04/04/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.10 | Khá |
| 19 | 19D4011526 | Hà Thị | Sinh | Nữ | 17/06/2001 | Tỉnh Kon Tum | 115 | 2.99 | Khá |
| 20 | 19D4011556 | Nguyễn Đình | Thắng | Nam | 30/09/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.35 | Giỏi |
| 21 | 19D4011567 | Võ Văn | Thanh | Nam | 11/10/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.25 | Giỏi |
| 22 | 19D4011780 | Mai Thị Thanh | Thao | Nữ | 03/06/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.15 | Khá |
| 23 | 19D4011700 | Nguyễn Hoàng Anh | Tuấn | Nam | 21/04/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 2.87 | Khá |
| 24 | 19D4011707 | Dương Thị Cẩm | Tuyền | Nữ | 28/04/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 2.97 | Khá |
| 25 | 19D4011720 | Phạm Thị Minh | Tuyết | Nữ | 28/12/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.38 | Giỏi |

| | | | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|-------|-----|------------|---------------------|-----|------|----------|
| 26 | 19D4011728 | Phạm Thị Mỹ | Uyên | Nữ | 01/05/2001 | Tỉnh Quảng Ngãi | 115 | 2.93 | Khá |
| 27 | 19D4011733 | Nguyễn Hồ Thùy | Vân | Nữ | 10/03/2001 | Quảng Nam | 115 | 2.86 | Khá |
| 28 | 19D4011761 | Nguyễn Thị Hồng | Yên | Nữ | 11/07/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 29 | 19D4011006 | Bùi Thị Quý | Anh | Nữ | 06/12/2000 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.36 | Giỏi |
| 30 | 19D4011007 | Đặng Thị Lan | Anh | Nữ | 26/01/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.57 | Giỏi |
| 31 | 19D4011021 | Ngô Thị Cẩm | Anh | Nữ | 01/12/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 2.95 | Khá |
| 32 | 19D4011024 | Võ Thị | Anh | Nữ | 20/07/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.43 | Giỏi |
| 33 | 19D4011025 | Võ Thị Minh | Anh | Nữ | 25/01/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | 115 | 3.68 | Xuất sắc |
| 34 | 19D4011037 | Nguyễn Thị Ngọc | Châu | Nữ | 16/01/2000 | Thành phố Hồ Chí | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 35 | 19D4011051 | Đinh Thị Kim | Cúc | Nữ | 05/01/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 36 | 19D4011056 | Thái Bá | Cường | Nam | 08/06/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.43 | Giỏi |
| 37 | 19D4011059 | Trần Thị Thục | Đan | Nữ | 10/10/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.57 | Giỏi |
| 38 | 19D4011060 | Phan Quốc | Đang | Nam | 01/01/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.16 | Khá |
| 39 | 19D4011071 | Võ Thị Kiều | Diễm | Nữ | 26/06/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 3.00 | Khá |
| 40 | 19D4011080 | Đông Như | Đức | Nam | 09/09/2001 | Tỉnh Gia Lai | 115 | 3.03 | Khá |
| 41 | 19D4011083 | Nguyễn Thị | Dung | Nữ | 01/11/2001 | Tỉnh Quảng Ngãi | 115 | 3.48 | Giỏi |
| 42 | 19D4011085 | Trần Thị Kim | Dung | Nữ | 18/09/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.41 | Giỏi |
| 43 | 19D4011093 | Nguyễn Thị Thuý | Dương | Nữ | 25/05/2001 | Tỉnh Quảng Ngãi | 115 | 3.32 | Giỏi |
| 44 | 19D4011099 | Lê Thị Ngọc | Duyên | Nữ | 14/04/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.32 | Giỏi |
| 45 | 19D4011105 | Trần Nữ Bảo | Duyên | Nữ | 27/09/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.36 | Giỏi |
| 46 | 19D4011109 | Phùng Huyền | Duyệt | Nam | 04/11/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.24 | Giỏi |
| 47 | 19D4011115 | Nguyễn Công Nam | Giang | Nam | 22/09/2000 | Tỉnh Nghệ An | 115 | 3.36 | Giỏi |
| 48 | 19D4011124 | Dương Thị | Hà | Nữ | 15/10/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.32 | Giỏi |
| 49 | 19D4011130 | Trương Thị | Hà | Nữ | 28/01/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 2.99 | Khá |
| 50 | 19D4011131 | Lê Châu Nhật | Hạ | Nữ | 04/11/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.45 | Giỏi |
| 51 | 19D4011138 | Triệu Thị Minh | Hải | Nữ | 15/08/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.52 | Giỏi |
| 52 | 19D4011777 | Nguyễn Thị | Hạnh | Nữ | 13/09/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.50 | Giỏi |
| 53 | 19D4011226 | Bùi Thị Mỹ | Huyền | Nữ | 17/06/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.39 | Giỏi |
| 54 | 19D4011248 | Nguyễn Hoàng | Khanh | Nữ | 07/02/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.45 | Giỏi |
| 55 | 19D4011778 | Thái Thị Phương | Lam | Nữ | 30/12/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.62 | Xuất sắc |
| 56 | 19D4011269 | Ngô Thị Kim | Liên | Nữ | 28/02/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.56 | Giỏi |
| 57 | 19D4011280 | Hoàng Thị Kiều | Linh | Nữ | 21/09/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.81 | Xuất sắc |
| 58 | 19D4011284 | Nguyễn Thị Mỹ | Linh | Nữ | 25/12/2001 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.43 | Giỏi |
| 59 | 19D4011289 | Trần Thái Hoàng | Linh | Nam | 09/01/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.57 | Giỏi |

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|--------|-----|------------|---------------------|--|-----|------|----------|
| 60 | 19D4011302 | Phạm Thị Phương | Loan | Nữ | 08/01/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.90 | Xuất sắc |
| 61 | 19D4011317 | Lê Thị | Ly | Nữ | 20/04/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | | 115 | 3.24 | Giỏi |
| 62 | 19D4011319 | Nguyễn Thị Cẩm | Ly | Nữ | 02/07/2001 | Tỉnh Quảng Trị | | 115 | 3.21 | Giỏi |
| 63 | 19D4011340 | Nguyễn Văn | Minh | Nam | 27/02/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 2.90 | Khá |
| 64 | 19D4011350 | Nguyễn Thị Thu | My | Nữ | 02/10/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.54 | Giỏi |
| 65 | 19D4011354 | Võ Thị | Mỹ | Nữ | 06/06/2001 | Tỉnh Quảng Bình | | 115 | 3.41 | Giỏi |
| 66 | 19D4011372 | Nguyễn Thị | Ngân | Nữ | 10/11/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.30 | Giỏi |
| 67 | 19D4011392 | Vũ Minh | Ngọc | Nữ | 29/10/2001 | Tỉnh Ninh Bình | | 115 | 3.23 | Giỏi |
| 68 | 19D4011771 | Lê Thị Ánh | Nguyệt | Nữ | 14/08/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.25 | Giỏi |
| 69 | 19D4011403 | Nguyễn Thị | Nhàn | Nữ | 28/06/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.70 | Xuất sắc |
| 70 | 19D4011419 | Nguyễn Thị Kiều | Nhi | Nữ | 10/12/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.49 | Giỏi |
| 71 | 19D4011431 | Lê Thị Quỳnh | Như | Nữ | 15/05/2001 | Tỉnh Quảng Trị | | 115 | 3.10 | Khá |
| 72 | 19D4011433 | Nguyễn Thị Ngọc | Như | Nữ | 28/05/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.06 | Khá |
| 73 | 19D4011447 | Nguyễn Thùy | Nhung | Nữ | 22/03/2001 | Tỉnh Quảng Trị | | 115 | 3.45 | Giỏi |
| 74 | 19D4011455 | Nguyễn Thị Kim | Nương | Nữ | 26/03/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.82 | Xuất sắc |
| 75 | 19D4011478 | Nguyễn Thị Trúc | Phương | Nữ | 09/11/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.23 | Giỏi |
| 76 | 19D4011482 | Trần Thị Như | Phương | Nữ | 07/03/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.30 | Giỏi |
| 77 | 19D4011483 | Trần Thị Trà | Phương | Nữ | 02/11/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.18 | Khá |
| 78 | 19D4011484 | Trần Thị Trúc | Phương | Nữ | 17/04/2001 | Tỉnh Quảng Ngãi | | 115 | 3.61 | Xuất sắc |
| 79 | 19D4011487 | Đậu Thị | Phượng | Nữ | 28/08/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | | 115 | 3.51 | Giỏi |
| 80 | 19D4011489 | Mai Thị Thủy | Phượng | Nữ | 05/02/2001 | Tỉnh Quảng Trị | | 115 | 3.27 | Giỏi |
| 81 | 19D4011499 | Hoàng Văn Anh | Quốc | Nam | 10/11/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.17 | Khá |
| 82 | 19D4011513 | Dương Lý Diễm | Quỳnh | Nữ | 08/07/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 83 | 19D4011521 | Nguyễn Thị | Sâm | Nữ | 01/05/2001 | Tỉnh Nghệ An | | 115 | 3.10 | Khá |
| 84 | 19D4011522 | Trương Thị | Sâm | Nữ | 20/02/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | | 115 | 3.25 | Giỏi |
| 85 | 19D4011536 | Trần Thị Thu | Sương | Nữ | 06/02/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.37 | Giỏi |
| 86 | 19D4011539 | Bach Văn | Tâm | Nam | 30/01/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.06 | Khá |
| 87 | 19D4011551 | Đậu Thị | Thắm | Nữ | 15/01/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | | 115 | 3.23 | Giỏi |
| 88 | 19D4011581 | Nguyễn Thị | Thảo | Nữ | 21/05/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.13 | Khá |
| 89 | 19D4011600 | Lê Hữu | Thọ | Nam | 28/08/2001 | Tỉnh Thanh Hóa | | 115 | 3.44 | Giỏi |
| 90 | 19D4011602 | Nguyễn Thị | Thơm | Nữ | 18/10/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.25 | Giỏi |
| 91 | 19D4011610 | Nguyễn Thị Ngọc | Thư | Nữ | 20/08/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | | 115 | 3.64 | Xuất sắc |
| 92 | 19D4011628 | Bùi Thị Kim | Thùy | Nữ | 14/03/2001 | Tỉnh Đồng Tháp | | 115 | 3.44 | Giỏi |
| 93 | 19D4011639 | Nguyễn Thị Út | Tiên | Nữ | 16/07/2001 | Tỉnh Quảng Nam | | 115 | 3.69 | Xuất sắc |

| | | | | | | | | | |
|-----|------------|------------------|--------|-----|------------|---------------------|-----|------|----------|
| 94 | 19D4011641 | Bùi Nhật | Tiến | Nam | 30/12/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.58 | Giỏi |
| 95 | 19D4011654 | Nguyễn Thị Bảo | Trâm | Nữ | 26/03/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.11 | Khá |
| 96 | 19D4011659 | Hoàng Quỳnh | Trang | Nữ | 13/10/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | 115 | 3.10 | Khá |
| 97 | 19D4011661 | Hoàng Thị | Trang | Nữ | 12/07/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.65 | Xuất sắc |
| 98 | 19D4011667 | Lương Thị Thùy | Trang | Nữ | 05/01/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.09 | Khá |
| 99 | 19D4011691 | Đặng Thị Kim | Trúc | Nữ | 23/03/2001 | Tỉnh Quảng Nam | 115 | 3.21 | Giỏi |
| 100 | 19D4011695 | Nguyễn Thị Thanh | Truyền | Nữ | 16/10/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.41 | Giỏi |
| 101 | 19D4011697 | Lê Mậu Minh | Tú | Nam | 19/03/2001 | Tỉnh Quảng Trị | 115 | 2.99 | Khá |
| 102 | 19D4011699 | Nguyễn Cẩm | Tú | Nữ | 06/11/2001 | Tỉnh Hà Tĩnh | 115 | 3.22 | Giỏi |
| 103 | 19D4011701 | Nguyễn Kim | Tuân | Nam | 10/08/2001 | Tỉnh Nghệ An | 115 | 2.91 | Khá |
| 104 | 19D4011715 | Hồ Thị | Tuyết | Nữ | 10/09/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.55 | Giỏi |
| 105 | 19D4011722 | Trần Thị Ánh | Tuyết | Nữ | 27/06/2001 | Thừa Thiên Huế | 115 | 3.04 | Khá |
| 106 | 19D4011724 | Hoàng Thị Thảo | Uyên | Nữ | 07/04/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.53 | Giỏi |
| 107 | 19D4011781 | Lương Trần Tú | Uyên | Nữ | 01/05/2001 | Tỉnh Đắk Nông | 115 | 3.55 | Giỏi |
| 108 | 19D4011727 | Nguyễn Thị Thu | Uyên | Nữ | 01/09/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.43 | Giỏi |
| 109 | 19D4011739 | Nguyễn Thị Thanh | Vân | Nữ | 01/02/2000 | Tỉnh Quảng Bình | 115 | 3.67 | Xuất sắc |
| 110 | 19D4011741 | Nguyễn Thị Thúy | Vân | Nữ | 05/04/2001 | Tỉnh Gia Lai | 115 | 3.43 | Giỏi |
| 111 | 19D4011757 | Ngô Thị | Ý | Nữ | 18/07/2001 | Thừa Thiên Huế | 115 | 3.20 | Giỏi |
| 112 | 19D4011759 | Trần Thị Khả | Ý | Nữ | 18/11/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | 115 | 3.41 | Giỏi |

Danh sách này có 112 sinh viên được đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Trong đó:

- Số sinh viên đạt loại Xuất sắc 12
- Số sinh viên đạt loại Giỏi 65
- Số sinh viên đạt loại Khá 35

Huế, ngày tháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

